

Bản án số: **26/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 25/7/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2018/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thùy L**, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Anh Phạm Đình H**, sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thùy L trình bày:

Chị và anh Phạm Đình H đăng ký kết hôn ngày 12/2/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ con... Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần, nhưng không thành. Hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đình H

+ Về con chung: Chị L với anh H có 01 con chung là Phạm Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2016. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực

tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về chia tài sản và nợ chung: Chị L và anh H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Đình H trình bày:

Anh H xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như lời chị L đã trình bày nêu trên là đúng. Mâu thuẫn giữa anh và chị L đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh H xác nhận có một con chung với chị L như chị L đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh H và chị L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thùy L và anh Phạm Đình H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã được hai vợ chồng và gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng chị L và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đều có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thùy L là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Chị Bùi Thùy L và anh Phạm Đình H có một con chung là cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2016, cả anh H và chị L đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cần giao cháu T cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các đương sự.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thùy L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thùy L được ly hôn với anh Phạm Đình H

2. Về nuôi con: Giao cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 05/9/2016 cho chị Bùi Thùy L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Phạm Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Bùi Thùy L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0000587 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND xã T, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy